ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2146/GP-UBND	*Chợ Mới, ngày 16 tháng 10 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh số 713/LH ngày 12 tháng 09 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ Mới tại Tờ trình số 1284/TTr-TNMT ngày 12/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Điều 1:** Cấp phép cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 199 - 205, đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Siêu thị Co.opmart Chợ Mới - An Giang", địa chỉ dự án đường tỉnh 942, thị trấn Chợ Mới, tỉnh An Giang. với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: "Siêu thị Co.opmart Chợ Mới - An Giang".

1.2. Địa điểm hoạt động: đường tỉnh 942, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 0301175691 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 29/06/2022.

1.4. Mã số thuế: 0301175691.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: thương mại dịch vụ (siêu thị).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án khoảng 5.251m^2 tại thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, với tứ cận như sau:

+ Phía Bắc và phía Tây: tiếp giáp đường tỉnh 942;

+ Phía Nam: giáp đất hỗn hợp;

+ Phía Đông: giáp đất giao thông.

Toạ độ khu vực thực hiện dự án:

Điểm	**Hệ tọa độ** (VN-2000, Kinh tuyến trục 104^{0}45', Múi chiếu 3^0)	
	X(m)	**Y(m)**
M1	1166557	0572648
M2	1166601	0572650
M3	1166630	0572676
M4	1166640	0572690
M5	1166644	0572738
M6	1166565	0572729
M7	1166565	0572694
M8	1166558	0572692

- Quy mô dự án: Dự án thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng (siêu thị) và dự án có tổng vốn đầu tư (trước thuế) là 38.179.256.396 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ một trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng*).

- Công suất dự án: Siêu thị Co.opmart Chợ Mới - An Giang có công suất phục vụ tối đa khoảng 1.200 khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4.Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh, có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (kể cả trong giai đoạn thi công xây dựng).

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (UBND huyện Chợ Mới), cơ quan chức năng ở địa phương (phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND thị trấn Chợ Mới) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 16 tháng 10 năm 2023 đến ngày 16 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ Mới tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT tỉnh AG;
- Phòng TN và MT;
- UBND thị trấn Chợ Mới;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI T. AN GIANG

Đoàn Thanh Lộc

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2146/GP-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Chợ Mới)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách vãng lai từ bể tự hoại. Lưu lượng phát sinh khoảng 9,9m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực bếp, chế biến. Lưu lượng phát sinh khoảng 3m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực rửa dụng cụ. Lưu lượng phát sinh khoảng 0,5m^3/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung của khu vực trên đường tỉnh 942 thuộc thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí.

- Tọa độ vị trí xả thải: X=1166601; Y= 0572648 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45, múi chiếu 3°).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15m^3/ngày.đêm (tương đương 0,625 m^3/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm theo đường ống.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k=1), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc, định kỳ, tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	Căn cứ điều 97 và phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ, tự động, liên tục.
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30	
8	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
11	Coliforms	MPN/ 100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, khách vãng lai: lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 9,9 m^3/ngày.đêm. Chủ dự án bố trí 01 bể tự hoại có thể tích 13,3m^3 (L x W x H = 3,84 x 1,92 x 1,8m) thu gom và xử lý sơ bộ nước thải phát sinh trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án bằng tuyến ống PVC DN125 (i=0,5%), có chiều dài 23,2m.

- Nước thải từ khu vực bếp, chế biến: lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 3 m^3/ngày.đêm. Chủ dự án bố trí 02 bể tách mỡ với thể tích mỗi bể 9,4m^3 (L x W x H = 3,96 x 1,32 x 1,8m) thu gom và xử lý sơ bộ phát sinh trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án bằng tuyến ống PVC DN200 (i= 0,5%), có chiều dài 32m.

- Nước thải từ khu vực rửa dụng cụ: lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 0,5m^3/ngày.đêm, nước thải phát sinh được dẫn về hệ thống xử lý nước

thải của dự án bằng tuyến ống PVC DN125 (i=0,5%), có chiều dài 21,6m.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (k=1), nước thải sau xử lý được dẫn vào đường ống PVC DN40 đặt dọc theo tuyến tường đến hố ga thoát nước thải và sau đó thoát ra tuyến cống thoát nước chung của khu vực trên đường tỉnh 942 bằng đường ống HDPE DN200 (i=0,5%) có chiều dài 7,3m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

▪ Bể tách mỡ

- Lượng nước thải phát sinh từ khu nhà bếp, chế biến ước tính khoảng 3m^3/ngày.đêm được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án. Chủ dự án bố trí 02 bể tách mỡ với thể tích mỗi bể 9,4m^3 (L x W x H = 3,96 x 1,32 x 1,8m).

Bể tách mỡ sơ bộ gồm 3 ngăn. Tại các ngăn, mỡ có tỷ trọng nhẹ hơn nước sẽ nổi lên bề mặt và được bơm hút vệ sinh định kỳ. Nước sau tách mỡ theo ống thông ra tuyến thủ gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải.

▪ Bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, khách vãng lai, lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 9,9m^3/ngày.đêm. Để đảm bảo việc thu gom và xử lý sơ bộ nước thải trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án bố trí 01 bể tự hoại ba ngăn có thể tích 13,3m^3 (L x W x H = 3,84 x 1,92 x 1,8m), xây dựng theo đúng tiêu chuẩn của ngành xây dựng.

- Hệ thống xử lý nước thải

- Công suất hệ thống: 15m^3/ngày.đêm.

- Quy mô diện tích khu xử lý nước thải: 39m^2, trong đó:

+ Diện tích hệ thống xử lý nước thải là 10m^2 (L x W = 5 x 2m), có chiều cao H =3m, lắp đặt dưới dạng module đặt nổi trên nền bêtông.

+ Diện tích còn lại 29m^2 gồm hố gom (LxWxH=1x1x1 m) và sân nền.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Hồ thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể vi sinh thiếu khí → Bể vi sinh hiếu khí → Bể MBR → Cống thoát nước chung của khu vực trên đường tỉnh 942.

- Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (k=1).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình , thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nước thải):

- Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, máy móc thiết bị xử lý hiệu quả.

- Bố trí người quản lý, theo dõi và vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Nếu có sự cố xảy ra phải báo ngay với các đơn vị chịu trách nhiệm để khắc phục sự cố.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

- Trang bị bơm dự phòng đối với các thiết bị chính đề được lắp đặt mỗi vị trí 02 thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên 01 thiết bị chạy và 01 thiết bị dự phòng (vừa dự phòng, vừa luân phiên xử lý) và thiết kế lược rác thô đầu vào hạn chế trường hợp nghẹt bơm do rác.

- Thường xuyên bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/03/2024 đến ngày 01/06/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải của dự án (công suất 15m^3/ngày.đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào: Tại hố thu gom nước thải.

- Nước thải đầu ra: Tại hố ga thoát nước thải của dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Quy chuẩn so sánh, đánh giá, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (k=1).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Tần suất quan trắc:

+ Giai đoạn hiểu chỉnh hiệu quả: Chủ dự án tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

+ Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ dự án thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải.

- Thông số phân tích: Lưu lượng thải, pH, BOD_5 (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO^{3-}) (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2146/GP-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Chợ Mới)

Do dự án là loại hình thương mại dịch vụ (siêu thị) do đó nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ các phương tiện tham gia giao thông ra vào khu vực dự án và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng. Tuy nhiên, mật độ phương tiện tại khu vực dự án tương đối thấp hoạt động ra vào không tập trung cùng thời điểm, máy phát điện mang tính dự phòng, không thường xuyên, lượng khí khải phân tán, mức độ ảnh hưởng của bụi, khí thải phát sinh từ dự án tương đối thấp và mang tính gián đoạn. Vì vậy, báo cáo này không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2146 /GP-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Chợ Mới)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: từ máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án. Tọa độ vị trí phát sinh X= 1166569; Y= 0572709 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45, múi chiếu 3°).*

- Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí phát sinh X= 1166575; Y= 0572723 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45, múi chiếu 3°).*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

3.1. Tiếng ồn

Vị trí	**Thời gian áp dụng trong ngày (Từ 6 giờ đến 21 giờ)**
Khu vực thông thường	70

3.2. Độ rung

Vị trí	**Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB (Từ 6 giờ đến 21 giờ)**
Khu vực thông thường	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí máy phát điện, hệ thống xử lý nước thải xa khu vực kinh doanh của siêu thị.

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện, máy bơm,… để giảm rung.

- Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì của máy phát điện và máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2146/GP-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Chợ Mới)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, acquy thải, hộp mực in, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải… ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10kg/tháng (khoảng 120kg/năm).

- Chủng loại và mã số CTNH:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	4	48
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	1	12
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	2	24
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	18 01 01	Rắn	2	24
5	Hộp mực in	08 02 04	Rắn	1	12
Tổng cộng				**10**	**120**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: *(không có)*.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 293 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng 05 thùng có nắp đậy, dung tích 60 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích: 4m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: vách ngăn, mái che, nền trán xi măng và đảm bảo quy định.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: *(không có)*

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 20 thùng chứa rác có nắp đậy, thể tích 20lít/thùng trong khuôn viên dự án.

Bố trí khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 5m· có mái che, xung quanh che chắn và bố trí 02 thùng chứa có dung tích 660 lít có nắp đậy.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại đia phương để thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố về cháy nổ:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về phòng cháy (quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ bsinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy. Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời);

- Lắp đặt các tiêu lệnh PCCC ở nơi dễ thấy. Trang bị các loại bình chữa cháy cầm tay như bình CO2, bình bọt, đặt ở phòng máy chợ Nông sản khi có sự cố xảy ra, kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần các bình chữa cháy để kịp thời đổi mới khi hết hạn. Đồng thời, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động.

- Hệ thống đường dây điện trong khu vực siêu thị đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha, rơle cho các thiết bị dụng cụ điện và thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

- Tăng cường kiểm tra các điều kiện về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm;

- Ban hành quy định, nội quy an toàn PCCC phù hợp với tính chất hoạt động của dự án và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2146/GP-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Chợ Mới)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải được quản lý để giảm sử dụng, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Siêu thi Co.opmart Chợ Mới - An Giang.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó môi trường theo quy định của pháp luật./.